

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-02-2025.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Nguyễn Duy May.
2, Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 648/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1983; Nơi thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Số D, ngõ A, đường Đ, Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thế Á, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Số D, ngõ A, đường Đ, Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Bà P.
- Vắng mặt: Ông Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 28 tháng 09 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là bà Phạm Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thế Á xây dựng gia đình với nhau năm 2016. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, do bà đang làm công nhân tại Công ty Y trong Khu công nghiệp T, thuộc xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội nên bà có chuyển đến thuê nhà trọ của gia đình ông Hoàng Văn C ở: Số nhà D, ngõ A, đường Đ, Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội để tiện sinh hoạt, làm việc. Một thời gian sau thì ông Á cũng chuyển đến ở cùng và làm việc tại Công ty T thuộc xã K, huyện Đ cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng do hai bên không có tiếng nói chung. Bà và ông Á đã sống ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay nhưng vẫn ở chung nhà trọ với nhau. Nay bà và ông Á cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông Á có 01 con chung là cháu Trần Phạm Tuệ N, sinh ngày 20/01/2017. Cháu khỏe mạnh và do vợ chồng cùng nuôi dưỡng, chăm sóc hàng ngày. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N đến khi thành niên và tự thoả thuận với ông Á về mức cấp dưỡng. Hiện bà đang làm công nhân tại Công ty Y với mức lương bình quân 10 triệu đồng/1 tháng nên đảm bảo việc mẹ con nuôi nhau, không gặp khó khăn gì.

- Về tài sản chung: Giữa bà và ông Á không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2025, bị đơn trong vụ án là ông Trần Thế Á trình bày: Ông và bà Phạm Thị P kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng, bế tắc và không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa. Nay bà P xin ly hôn ông cũng đồng ý mà không thắc mắc gì.

- Về con chung: Giữa ông và bà P có 01 con chung như bà P khai trên. Khi ly hôn, ông cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thoả thuận, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà P không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn là bà Phạm Thị P vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các Thông báo và Quyết định tố tụng của Tòa án, các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn là ông Trần Thế Á vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Các Điều: 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á.
- Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Phạm Tuệ N, sinh ngày 20/01/2017. Ghi nhận sự thoả thuận của hai bên tự giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.
- Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.
- Về án phí: Bà Phạm Thị P nộp cả án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn là bà Phạm Thị P khởi kiện xin ly hôn đối với ông Trần Thế Á có địa chỉ nơi ở hiện nay tại: Số D, ngõ A, đường Đ, Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Thế Á vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á xây dựng gia đình với nhau năm 2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ngày 22/04/2016 (Đăng ký số 53/2016), hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, ông bà chuyển đến ở tại nhà thuê trọ của gia đình ông Hoàng Văn C, thuộc địa chỉ: Số D, ngõ A, đường Đ, Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống, do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra mâu thuẫn thường xuyên và không tự dàn xếp, giải quyết được với nhau. Mặc dù vẫn đang ở chung phòng trọ nhưng bà P và ông Á đã sống ly thân từ tháng 06/2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống nữa. Nay cả hai cùng xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc và cùng thuận tình ly hôn.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Đối với ông Á và bà P thì không được như vậy, hôn nhân của ông bà mới tồn tại được một thời gian ngắn nhưng đời sống chung giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn trầm

trọng, rạn nứt từ tháng 06/2021 đến nay. Cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được là xây dựng gia đình hạnh phúc, bà P xin ly hôn và ông Á cũng đồng ý. Vì vậy, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà P và ông Á để giải phóng cho hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á có 01 con chung là cháu Trần Phạm Tuệ N, sinh ngày 20/01/2017 hiện đang do bà P, ông Á cùng nuôi dưỡng, chăm sóc hàng ngày. Khi ly hôn, bà P và ông Á cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, tự thỏa thuận giải quyết với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét quan điểm của các đương sự là hoàn toàn chính đáng, thể hiện tình cảm và trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, xét điều kiện về việc làm, thu nhập cũng như về giới tính thì bà P nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuệ N là con gái sẽ phù hợp và thuận lợi hơn so với ông Á. Mặt khác, cháu Tuệ N có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tuệ N đến khi cháu thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án, đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên tự giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á cùng có lời khai xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng phí, nay được chuyển thành án phí nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1, Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á.

2, Về con chung: Bà Phạm Thị P và ông Trần Thế Á có 01 con chung là Trần Phạm Tuệ N, sinh ngày 20/01/2017. Giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuệ N đến khi thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án. Ghi nhận sự thoả thuận của hai bên tự giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Thế Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung: Không có.

4, Về án phí: Bà Phạm Thị P nộp cả tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Xác nhận bà Phạm Thị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071659 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành tiền án phí và nộp vào ngân sách Nhà nước.

5, Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thế Á có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- UBND. thị trấn Hùng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

